TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 526/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/6/2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hóa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh
2. Ông Lê Viết Đức

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1089/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc Trà G, sinh năm 1987 (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: 25/4T ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1987 (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: 25/4T ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn đề ngày 24 tháng 8 năm 2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - bà Lê Ngọc Trà G trình bày:

Bà Lê Ngọc Trà G và ông Trần Mạnh H tự nguyện tìm hiểu, tiến tới xây dựng gia đình vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 165/2008 do Ủy ban nhân dân phường 15, quận Th, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2008 (Trích lục kết hôn số 894/TLKH-BS ngày 21/8/2017 của UBND phường 15, Q. T , Tp. HCM). Thời gian chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, không chăm sóc con cái, ngoài ra ông H còn cờ bạc gây nợ nần. Bà G đã nhiều lần khuyên can nhưng ông H vẫn không thay đổi. Nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà G yêu cầu được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống lo cho con ăn học.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Trần Ngọc Yến N, sinh ngày 31/7/2009 và Trần Lê K, sinh ngày 26/7/2011. Bà G yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai trẻ Yến N và Lê K, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, bà G vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

Tại bản tự khai ngày 15/01/2018, biên bản hòa giải ngày 30/01/2018 và tại phiên tòa bị đơn - ông Trần Mạnh H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà G về quan hệ hôn nhân, con cái, tài sản. Theo ông H, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông làm ăn thất bại, mất hết vốn liếng, nợ nần nhiều nên ông buồn chán dẫn đến ăn chơi. Vợ chồng ông đã hòa giải nhiều lần và ông có hứa sẽ thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng tuy có nhưng còn khả năng đoàn tụ nên ông không đồng ý ly hôn với bà Lê Ngọc Trà G. Hiện tại ông và bà G sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay, con cái do bà G trực tiếp nuôi dưỡng và hiện ông chưa có việc làm ổn định.

Về con chung: Có 02 trẻ tên Trần Ngọc Yến N, sinh ngày 31/7/2009 và Trần Lê K, sinh ngày 26/7/2011. Trường hợp vợ chồng ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Trần Ngọc Yến N, bà Lê Ngọc Trà G trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Lê K. Không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Ngọc Trà G khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Mạnh H và yêu cầu được quyền nuôi con. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con" nên theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn là ông Trần Mạnh H hiện đang cư trú tại địa bàn huyện H nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện H có thẩm quyền giải quyết.

2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu, bà Lê Ngọc Trà G và ông Trần Mạnh H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 165 do Ủy ban nhân dân phường 15, quận T, thành phố Hồ

Chí Minh cấp ngày 04/8/2008 (Trích lục kết hôn số 894/TLKH-BS ngày 21/8/2017 của UBND phường 15, Q. T, Tp. HCM).

Theo trình bày của bà G thì hôn nhân giữa bà và ông H không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho con cái, ngoài ra ông còn cờ bạc gây nợ nần, bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông H không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu tòa giải quyết cho bà được ly hôn. Bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay.

Theo kết quả xác minh, Ủy ban nhân dân xã B, huyện H xác nhận ông H có cư trú tại địa phương, giữa ông H và bà G có mâu thuẫn bất đồng, thường xuyên cải vả nhau. Hiện tại 02 con do bà G nuôi ăn học tốt, bà G có nghề nghiệp thu nhập ổn định.

Ông H không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận giữa ông với bà G có mâu thuẫn do ông làm ăn thất bại, gây nợ nần nhiều dẫn đến ăn chơi. Tuy nhiên, ông không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại ông H và bà G đang sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay. Chính quyền địa phương cũng xác nhận quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông H có mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vả nhau.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G, ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn ông H của bà G là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: có 02 trẻ tên Trần Ngọc Yến N, sinh ngày 31/7/2009 và Trần Lê K, sinh ngày 26/7/2011. Bà G yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại trẻ Yến N và Lê K đang sống chung ổn định với mẹ nên việc giao con cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, phù hợp với nguyện vọng của trẻ N nên yêu cầu nuôi con của bà G là có cơ sở chấp nhận. Bà G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung: Bà G và ông H xác nhận không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà G và ông H khai không có nên không xem xét.

3. Về án phí: bà Lê Ngọc Trà G chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc Trà G được ly hôn với ông Trần Mạnh H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Yến N, sinh ngày 31/7/2009 và Trần Lê K, sinh ngày 26/7/2011.

Giao cả 02 con chung tên Trần Ngọc Yến N và Trần Lê K cho bà Lê Ngọc Trà G trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Ngọc Trà G về việc không yêu cầu ông Trần Mạnh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Ngọc Trà G chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được tính cấn trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí do bà G đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0032774 ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TANDTP.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện H;
- THA Dân sự huyện H;
- UBND P. 15, Q. T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Trọng Hóa